

KNOWLEDGE AND INTENTION TO RECEIVE THE DENGUE VACCINE AMONG STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY

Nguyen Dang Dung¹, Trinh Huynh Giao Phuong², Tran Ngoc Yen Vy¹, Lam Thi Thanh Phuong¹, Nguyen Ngoc Kim Thoa¹, Vo Tran Trong Binh¹, Huynh Giao^{1*}

¹Faculty of Public Health, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City - 217 Hong Bang, Cho Lon ward, Ho Chi Minh city, Vietnam

²School of Pharmacy, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City - 41 Dinh Tien Hoang, Sai Gon ward, Ho Chi Minh city, Vietnam

Received: 27/11/2025

Revised: 10/12/2025; Accepted: 21/01/2026

ABSTRACT

Objective: To determine the proportion of students at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City who intend to receive the dengue vaccine and to identify associated factors.

Methods: A cross-sectional study was conducted among 551 Faculty of Public Health, Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City students in 2025. Participants were selected using stratified and convenience sampling. Data were collected by a self-administered questionnaire. Descriptive statistics, Chi-square test, Fisher's exact test, and logistic regression were used, with a significance level of $p < 0,05$.

Results: The proportion of students intending to receive the dengue vaccine was 35.6%. Only 36.1% demonstrated good overall knowledge of dengue. Sociodemographic factors associated with vaccination intention included gender, religion, and financial capacity. Perceived benefits of the vaccine as well as support from family and friends were significantly associated with vaccination intention ($p < 0.05$).

Conclusion: Dengue vaccine intention among students remains low and is influenced by individual characteristics, perceptions, and social support. Strengthening communication and health education is needed to enhance awareness and promote vaccine uptake among health sciences students.

Keywords: Dengue fever, dengue vaccine, vaccination intention, health sciences students.

*Corresponding author

Email: hgiaoymcc@ump.edu.vn Phone: (+84) 908608338 <https://doi.org/10.52163/yhc.v67iCD1.4283>

Kiến thức và ý định tiêm ngừa vắc-xin sốt xuất huyết ở sinh viên Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Đăng Dung¹, Trịnh Huỳnh Giao Phương², Trần Ngọc Yến Vy¹, Lâm Thị Thanh Phương¹, Nguyễn Ngọc Kim Thoa¹, Võ Trần Trọng Bình¹, Huỳnh Giao^{1*}

¹Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh - 217 Hồng Bàng, phường Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Dược, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh - 41 Đinh Tiên Hoàng, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 27/11/2025

Ngày chỉnh sửa: 10/12/2025; Ngày duyệt đăng: 21/01/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh có kiến thức và ý định tiêm vắc-xin phòng sốt xuất huyết Dengue.

Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 551 sinh viên Khoa Y tế Công cộng, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh năm 2025. Mẫu được chọn bằng phương pháp phân tầng kết hợp thuận tiện. Dữ liệu thu thập bằng bảng câu hỏi tự điền. Sử dụng thống kê mô tả, kiểm định Chi bình phương, chính xác Fisher và hồi quy logistic với mức ý nghĩa $p < 0,05$.

Kết quả: Tỷ lệ sinh viên có ý định tiêm vắc-xin sốt xuất huyết Dengue đạt 35,6%. Chỉ 36,1% sinh viên có kiến thức chung tốt về bệnh. Một số yếu tố dân số, xã hội liên quan đến ý định tiêm bao gồm giới tính, tôn giáo và khả năng tài chính. Các yếu tố thúc đẩy như nhận thức vắc-xin giúp giảm mức độ nặng của bệnh, cùng với sự ủng hộ của gia đình và bạn bè, có liên quan đáng kể đến ý định tiêm ($p < 0,05$).

Kết luận: Ý định tiêm vắc-xin sốt xuất huyết Dengue của sinh viên còn thấp và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố cá nhân, nhận thức và hỗ trợ xã hội. Cần tăng cường truyền thông và giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao hiểu biết và thúc đẩy tiếp cận vắc-xin trong nhóm sinh viên y tế.

Từ khóa: Sốt xuất huyết Dengue, vắc-xin Dengue, ý định tiêm chủng, sinh viên y tế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sốt xuất huyết Dengue là bệnh truyền nhiễm cấp tính do virus Dengue gây ra và được truyền qua trung gian muỗi *Aedes aegypti* [1]. Bệnh có tỷ lệ mắc cao và có thể gây tử vong ở 20% trường hợp nặng nếu không được điều trị kịp thời [2]. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, số ca mắc sốt xuất huyết (SXH) Dengue đã tăng hơn 30 lần trong hai thập kỷ qua, từ khoảng 0,5 triệu năm 2000 lên 14,6 triệu vào năm 2024. Hiện nay, bệnh lưu hành tại hơn 100 quốc gia, ảnh hưởng đến 3,6 tỷ người, chủ yếu ở châu Á, châu Mỹ và khu vực Tây Thái Bình Dương, trong đó châu Á chiếm hơn 70% gánh nặng toàn cầu [3].

Tại Việt Nam, SXH Dengue là vấn đề y tế công cộng nghiêm trọng và là một trong các bệnh truyền nhiễm có tỷ lệ mắc và tử vong cao nhất hàng năm [4]. Trong năm 2024, cả nước ghi nhận 138.342 trường hợp mắc và 26 trường hợp tử vong, tăng 17,4% số ca mắc và 43,5% số ca tử vong so với cùng kỳ năm 2023 [3].

Tiêm chủng từ lâu đã được công nhận là một biện pháp can thiệp y tế hiệu quả và thiết yếu trong cộng đồng bằng cách tạo ra miễn dịch cộng đồng [5]. Tuy nhiên, do các yếu tố liên quan đến tính mới mẻ của vắc-xin SXH, thông

tin truyền thông còn hạn chế và mức độ chấp nhận trong cộng đồng chưa cao, việc hiểu rõ nhận thức và thái độ của sinh viên ngành y, là nhóm đóng vai trò quan trọng trong công tác dự phòng và truyền thông sức khỏe, hết sức cần thiết. Do đó, nghiên cứu “Ý định tiêm ngừa vắc-xin SXH và các yếu tố liên quan ở sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh” được thực hiện nhằm xác định tỷ lệ sinh viên có ý định tiêm vắc-xin phòng bệnh, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định này.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Khoa Y tế Công cộng đang học tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh có mặt tại thời điểm nghiên cứu, năm học 2024-2025.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu cắt ngang.

- Thời gian nghiên cứu: nghiên cứu thực hiện từ tháng 5-11 năm 2025 tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

- Cỡ mẫu được tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ:

*Tác giả liên hệ

Email: ngiaoytcc@ump.edu.vn Điện thoại: (+84) 908608338 <https://doi.org/10.52163/yhc.v67iCD1.4283>

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; $\alpha = 0,05$; $d = 0,03$; $p = 0,883$ là tỷ lệ chấp nhận và chịu chi trả cho vắc-xin SXH theo nghiên cứu của Orellano P và cộng sự [6]. Dự trừ mất mẫu với tỉ lệ dự đoán khoảng 20%, như vậy cỡ mẫu tối thiểu của nghiên cứu là 551 sinh viên.

- Kỹ thuật chọn mẫu: sử dụng phương pháp phân tầng theo ngành kết hợp với lấy mẫu thuận tiện.

- Phương pháp thu thập số liệu: dữ liệu được phát triển từ mô hình niềm tin sức khỏe (health belief model) và mô hình kế hoạch hành vi (theory of planned behavior) [7], được thu thập thông qua bộ câu hỏi tự điền, chia thành 4 phần, bao gồm đặc tính mẫu, kiến thức về bệnh SXH, ý định tiêm ngừa vắc-xin SXH và yếu tố thúc đẩy tiêm ngừa vắc-xin SXH.

- Định nghĩa biến số: biến số ý định tiêm vắc-xin SXH được là biến số nhị giá (có/không), phản ánh mức độ sẵn sàng tiêm vắc-xin trong tương lai của sinh viên.

Biến số kiến thức chung về SXH được đánh giá qua 12 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, câu trả lời sai hoặc trung lập được 0 điểm, với tổng điểm tối đa là 12 điểm. Tổng điểm sau đó được quy đổi về thang 100%. Kiến thức được xếp loại là tốt khi $\geq 70\%$ tổng điểm ($\geq 8/12$ điểm) và chưa tốt khi $< 70\%$ tổng điểm ($< 8/12$ điểm) [2].

Các yếu tố thúc đẩy tiêm ngừa vắc-xin bao gồm 7 biến số nhị giá (có/không) là tiêm ngừa vắc-xin giảm nguy cơ mắc SXH. SXH là một bệnh nguy hiểm, tiêm ngừa vắc-xin SXH giảm bệnh trở nặng, sự ủng hộ từ gia đình, sự khuyến khích của bạn bè, khả năng tiếp cận dịch vụ, cơ sở tiêm ngừa và khả năng sắp xếp thời gian đi tiêm.

- Phương pháp thống kê: dữ liệu sau khi hoàn thiện sẽ được lưu trữ bằng phần mềm Epidata. Xử lý, làm sạch và phân tích số liệu bằng phần mềm STATA. Các biến số định tính được trình bày theo tần số và tỷ lệ phần trăm. Biến số định lượng được biểu diễn bằng giá trị trung bình và độ lệch chuẩn ($\bar{X} \pm SD$) hay trung vị (khoảng tứ phân vị). Kiểm định Chi bình phương hoặc Fisher với mức ý nghĩa $p < 0,05$ để xác định mối liên quan. Lượng hóa mối quan hệ bằng số đo tỉ số chênh (OR) và khoảng tin cậy (KTC) 95% theo mô hình hồi quy logistic.

2.3. Vấn đề y đức

Nghiên cứu được chấp thuận bởi Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, số 2264/ĐHYD-HĐĐĐ ký ngày 27/5/2025.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n = 551)

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi (năm)*		20 (19-22)	
Giới tính	Nam	199	36,1
	Nữ	352	63,9
Dân tộc	Kinh	506	91,8
	Hoa	38	6,9
	Khác	7	1,3

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tôn giáo	Không	366	66,4
	Phật giáo	78	14,2
	Công giáo	46	8,3
	Khác	61	11,1
Học lực	Xuất sắc	284	51,5
	Giỏi	183	33,2
	Khá	84	15,3
Ngành học	Y học dự phòng	302	54,8
	Y tế công cộng	110	20,0
	Dinh dưỡng	139	25,2
Năm học	Năm 1	164	29,8
	Năm 2	161	29,2
	Năm 3	66	12,0
	Năm 4	44	8,0
	Năm 5	97	17,6
	Năm 6	19	3,4
Nơi ở	Cùng gia đình	282	51,2
	Nhà trọ	198	35,9
	Ký túc xá	71	12,9
Điều kiện kinh tế	Khó khăn	61	11,1
	Đủ sống	464	84,2
	Khá giả	26	4,7
Khả năng tài chính (có)		403	73,1
Thông tin về vắc-xin SXH (có)		526	95,5
Nguồn thông tin	Sách, báo, internet	393	71,3
	Truyền hình	361	65,5
	Nhân viên y tế, cơ sở y tế	338	61,3
	Người thân, bạn bè, hàng xóm	243	44,1
	Bảng rôn, tờ rơi, áp phích	196	35,6
	Đài phát thanh	185	33,6
	Khác	5	0,9
Mật độ muỗi	Rất nhiều	40	7,3
	Nhiều	147	26,7
	Bình thường	225	40,8
	Ít	112	20,3
	Rất ít	27	4,9
Đã từng mắc SXH (có)		170	30,9
Tiền sử mắc SXH của gia đình	Có	239	43,4
	Không	309	56,1
	Không biết	3	0,5

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tiền sử mắc SXH trong cộng đồng	Có	221	40,1
	Không	98	17,8
	Không biết	232	42,1

Ghi chú: *Trung vị (khoảng tứ phân vị).

Kết quả khảo sát trên 551 sinh viên cho thấy nữ giới chiếm khoảng 2/3 tổng số đối tượng (63,9%). Hơn một nửa là sinh viên ngành y học dự phòng, sinh viên năm 6 chiếm tỷ lệ thấp nhất (3,4%). Tỷ lệ sinh viên từng mắc SXH là 30,9%, trong khi 56,1% cho biết người thân chưa từng mắc bệnh.

Bảng 2. Kiến thức về bệnh SXH Dengue (n = 551)

Kiến thức đúng	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Nguyên nhân gây bệnh SXH	499	90,6
Người có nguy cơ mắc bệnh SXH	422	76,6
Nguy cơ biến chứng bệnh SXH	490	88,9
SXH có nguy cơ gây tử vong	489	88,8
Khả năng bùng phát dịch	464	84,2
Nguy cơ tái nhiễm SXH	404	73,3
Nguy cơ mắc bệnh theo mùa	438	79,5
Thời gian mắc SXH	62	11,3
Dấu hiệu nhận biết SXH	218	39,6
SXH có dấu hiệu cảnh báo	145	26,3
Biện pháp phòng ngừa SXH	363	65,9
Thuốc điều trị đặc hiệu	196	35,6
Kiến thức chung (tốt)	199	36,1

Tỷ lệ cao sinh viên có kiến thức đúng về nguyên nhân gây bệnh (90,6%), đối tượng nguy cơ (76,6%) và biến chứng của bệnh (88,9%) được ghi nhận. Kiến thức về nguy cơ tử vong (88,8%), khả năng bùng phát dịch (84,2%), nguy cơ tái nhiễm (73,3%) và phòng ngừa SXH Dengue (65,9%) được phần lớn sinh viên nắm vững. Dựa trên tổng số câu trả lời, một tỷ lệ thấp sinh viên có đủ kiến thức về SXH Dengue (36,1%).

Bảng 3. Ý định tiêm ngừa vắc-xin SXH (n = 551)

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Ý định tiêm ngừa vắc-xin SXH (có)	355	35,6
Khả năng đi tiêm ngay khi có ý định tiêm (có) (n = 355)	342	96,3

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Lý do muốn tiêm vắc-xin SXH (n = 355)	Được cung cấp đầy đủ thông tin về vắc-xin SXH	200	56,3
	Phòng ngừa mắc SXH cho bạn trong tương lai	295	83,1
	Do bạn từng mắc SXH trước đó	102	28,7
	Do SXH có thể gây tử vong	182	51,3
	Do có dịch SXH tại nơi bạn sống	72	20,3
Lý do không muốn tiêm vắc-xin SXH	Chưa hiểu rõ về vắc-xin, bệnh SXH	50	9,1
	Lo sợ tác dụng phụ của vắc-xin SXH	76	13,8
	Sẽ ít hoặc không có nguy cơ mắc SXH	67	12,2
	Chi phí tiêm ngừa cao	128	23,2
	Chi phí tiêm ngừa không được bảo hiểm y tế chi trả	76	13,8

Khoảng 1/3 sinh viên có ý định tiêm ngừa vắc-xin SXH (35,6%). Những lý do ngăn cản đối tượng tham gia sẵn sàng tiêm vắc-xin bao gồm giá thành cao (23,2%) và tác dụng phụ của vắc-xin SXH (13,8%).

Bảng 4. Các yếu tố thúc đẩy việc tiêm ngừa vắc-xin SXH (n = 551)

Yếu tố thúc đẩy	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tiêm ngừa vắc-xin giảm nguy cơ mắc SXH (có)	481	87,3
SXH là một bệnh nguy hiểm (có)	502	91,1
Tiêm ngừa vắc-xin SXH giảm bệnh trở nặng (có)	468	84,9
Sự ủng hộ từ gia đình (có)	467	84,8
Sự khuyến khích của bạn bè (có)	422	76,6
Khả năng tiếp cận dịch vụ, cơ sở tiêm ngừa (có)	516	93,6
Khả năng sắp xếp thời gian đi tiêm (có)	439	79,7

Phần lớn sinh viên nhận thức rõ lợi ích của vắc-xin SXH, với đa số cho rằng bệnh nguy hiểm (91,1%) và tiêm ngừa giúp giảm nguy cơ mắc cũng như mức độ nặng (87,3% và 84,9%). Ngoài ra, đa phần có sự ủng hộ từ gia đình (84,8%), bạn bè (76,6%), khả năng tiếp cận dịch vụ (93,6%) và sắp xếp được thời gian tiêm phòng (79,7%).

Bảng 5. Mối liên quan giữa ý định tiêm vắc-xin SXH và các đặc điểm của sinh viên

Đặc điểm		Ý định tiêm		OR _{thô} (KTC 95%)	p	OR _{hiệu chỉnh} (KTC 95%)	p
		Có	Không				
Giới tính	Nam (n = 199)	105 (52,8%)	94 (47,2%)	1		1	
	Nữ (n = 352)	250 (71,0%)	102 (29,0%)	2,19 (1,50-3,12)	< 0,001	2,19 (1,51-3,48)	< 0,001

Đặc điểm		Ý định tiêm		OR _{thô} (KTC 95%)	p	OR _{hiệu chỉnh} (KTC 95%)	p
		Có	Không				
Tôn giáo	Không (n = 366)	236 (64,5%)	130 (35,5%)	1		1	
	Phật giáo (n = 78)	52 (66,7%)	26 (33,3%)	1,10 (0,66-1,85)	0,714	1,07 (0,59-1,93)	0,829
	Công giáo (n = 46)	20 (43,5%)	26 (56,5%)	0,42 (0,23-0,79)	0,007	0,42 (0,20-0,87)	0,019
	Khác (n = 61)	47 (77,0%)	14 (23,0%)	1,85 (0,98-3,49)	0,057	2,51 (1,17-5,39)	0,018
Khả năng tài chính	Có (n = 403)	247 (61,3%)	156 (38,7%)	0,59 (0,38-0,90)	0,011	0,54 (0,33-0,87)	0,013
	Không (n = 148)	108 (73,0%)	40 (27,0%)	1		1	
Tiêm vắc-xin SXH giảm bệnh trở nặng	Có (n = 468)	321 (68,6%)	147 (31,4)	3,15 (1,90-5,24)	< 0,001	2,36 (1,37-4,09)	0,002
	Không (n = 83)	34 (41,0)	49 (59,0%)	1		1	
Sự ủng hộ từ gia đình	Có (n = 467)	335 (71,7%)	132 (28,3%)	8,12 (4,62-14,7)	< 0,001	3,56 (1,93-6,58)	< 0,001
	Không (n = 84)	20 (23,8%)	64 (76,2%)	1		1	
Sự khuyến khích từ bạn bè	Có (n = 422)	315 (74,6%)	107 (25,4%)	6,55 (4,16-10,4)	< 0,001	4,30 (2,61-7,10)	< 0,001
	Không (n = 129)	40 (31,0%)	89 (69,0%)	1		1	

Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy ý định tiêm vắc-xin có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với một số đặc điểm nhân khẩu - xã hội, bao gồm giới tính, tôn giáo và khả năng tài chính ($p < 0,05$). Bên cạnh đó, các yếu tố thúc đẩy như nhận thức rằng vắc-xin giúp giảm mức độ nặng của bệnh, cùng với sự ủng hộ từ gia đình và bạn bè cũng có liên quan đáng kể đến ý định tiêm phòng SXH ($p < 0,05$).

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên có ý định tiêm vắc-xin SXH còn khá thấp (35,6%), mặc dù phần lớn nhận thức được mức độ nguy hiểm của bệnh và lợi ích của việc tiêm phòng. Tỷ lệ này thấp hơn đáng kể so với nghiên cứu của Orellano P và cộng sự với 88,3% người tham gia sẵn sàng tiêm [6]. Một trong những nguyên nhân có thể góp phần vào sự khác biệt này là thông tin về nguy cơ xuất hiện thể bệnh nặng ở những người chưa từng phơi nhiễm trước khi tiêm [5], khiến hoạt động truyền thông về vắc-xin trong cộng đồng, bao gồm cả nhóm sinh viên thuộc khối ngành y tế vẫn còn hạn chế tại Việt Nam.

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đầy đủ về bệnh SXH trong nghiên cứu của chúng tôi chỉ đạt 36,1%, thấp hơn đáng kể so với kết quả ghi nhận ở sinh viên y dược Huế (93,1%) và sinh viên tại Sudan (58%) [8]. Sự khác biệt này có thể xuất phát từ mức độ tiếp cận kiến thức chuyên môn không đồng đều giữa các nhóm sinh viên hoặc đặc thù chương trình đào tạo. Nghiên cứu của chúng tôi có hơn một nửa số sinh viên tham gia thuộc ngành y học dự phòng (54,8%), là nhóm có chương trình học thiên về bệnh học, dịch tễ học và phòng ngừa bệnh tật. Trái lại, sinh viên hai khối ngành còn lại (y tế công cộng và dinh dưỡng) ít được tiếp cận sâu với các nội dung này, có thể dẫn đến sự chênh lệch đáng kể về mức độ kiến thức giữa các nhóm.

Trong mô hình hồi quy đa biến, giới tính, tôn giáo và khả năng tài chính có liên quan đáng kể đến ý định tiêm vắc-xin. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước đây,

trong đó nữ giới thường có mức chấp nhận tiêm chủng cao hơn hoặc thái độ phòng bệnh tích cực hơn. Ngoài ra, nhận thức về lợi ích của vắc-xin, đặc biệt là khả năng giảm nguy cơ mắc bệnh và giảm mức độ nặng khi nhiễm, cùng với sự ủng hộ từ gia đình và bạn bè, đều cho thấy mối liên quan đáng kể với ý định tiêm trong nghiên cứu này. Những phát hiện này phù hợp với nghiên cứu tại Singapore, trong đó lợi ích cảm nhận và nguy cơ cảm nhận là những yếu tố thúc đẩy hành vi tiêm chủng, trong khi chi phí có xu hướng làm giảm khả năng chấp nhận vắc-xin [5].

Nghiên cứu mặc dù đã đạt được các mục tiêu đề ra, song vẫn không thể tránh khỏi những hạn chế cần khắc phục. Thiết kế cắt ngang chỉ cho phép xác định mối liên quan mà không khẳng định quan hệ nhân quả. Đối tượng khảo sát chủ yếu là sinh viên khối y tế công cộng, do đó kết quả chưa đại diện cho toàn bộ sinh viên. Dữ liệu thu thập dựa trên tự báo cáo có thể chịu ảnh hưởng của sai lệch hồi tưởng. Đồng thời, nghiên cứu chưa xem xét các yếu tố hệ thống như khả năng cung cấp dịch vụ hay mức độ sẵn có của vắc-xin, có khả năng ảnh hưởng đến ý định tiêm chủng.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh có ý định tiêm vắc-xin SXH còn thấp (35,6%). Kiến thức chung về SXH cũng chưa cao, chỉ với 36,1% sinh viên đạt mức kiến thức tốt. Phân tích đa biến cho thấy giới tính, tôn giáo và khả năng tài chính là những yếu tố liên quan đến ý định tiêm, trong khi nhận thức về lợi ích vắc-xin và sự ủng hộ từ gia đình, bạn bè đóng vai trò thúc đẩy quan trọng. Các kết quả này cho thấy cần đẩy mạnh hoạt động truyền thông và giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy tiếp cận vắc-xin SXH trong nhóm sinh viên.

*
* *

Nghiên cứu này nhận được tài trợ kinh phí từ Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 182/2025/HĐ-ĐHYD, ngày 17 tháng 4 năm 2025.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Kazaura M. Knowledge, attitude and practices about dengue fever among adults living in Pwani Region, Tanzania in 2019. *African health sciences*, 2020, 20 (4): 1601-1609. doi: 10.4314/ahs.v20i4.12.
- [2] Shafie A.A, Moreira E.D et al. Knowledge, attitudes and practices toward Dengue fever, vector control, and vaccine acceptance among the general population in countries from Latin America and Asia Pacific: A cross-sectional study (GEMKAP). *Vaccines* (Basel), 2023, 11 (3): 575. doi: 10.3390/vaccines11030575.
- [3] WHO. Dengue Situation Updates 2024, 1/11/2025. <https://iris.who.int/items/4b8f3564-eb6-48ea-86d8-f6a6f92ae17c>.
- [4] Bộ Y tế. Thông tư số 54/2015/TT-BYT Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm, ngày 28 tháng 12 năm 2015.
- [5] Panchapakesan C, Sheldenkar A et al. A comparison between the predictors of vaccine uptake intentions for influenza and Dengue. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 2018, 15 (12). doi: 10.3390/ijerph15122694.
- [6] Orellano P, Reynoso J, Salomón O.D et al. Dengue vaccine acceptance and willingness to pay: a systematic review and meta-analysis. *Public Health*, 2023, 224: 74-81. doi: 10.1016/j.puhe.2023.08.022.
- [7] Alyafei A, Easton-Carr R. The health belief model of behavior change. In book: *Treasure Island* (FL): StatPearls Publishing, 2025.
- [8] Nguyễn Ngô Bảo Khuyên, Hoàng Lê Tuấn Hùng và cộng sự. Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống sốt xuất huyết Dengue của sinh viên y dược Huế. *Tạp chí Truyền nhiễm Việt Nam*, 2024, 2 (46): 109-116. doi: 10.59873/vjid.v2i46.376.

